

Quản lý chi ngân sách Nhà nước cho hoạt động đào tạo

ThS. BÙI THỊ BÍCH NẾ

Đào tạo là hoạt động không thể thiếu đối với sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội của mỗi quốc gia. Đảng và Nhà nước có chủ trương xã hội hóa hoạt động đào tạo, theo đó, Nhà nước thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho hoạt động này, kể cả nguồn vốn trong nước và quốc tế, tuy nhiên, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách (NS) vẫn có vai trò quyết định. Bài viết phân tích vai trò của chi ngân sách đối với hoạt động đào tạo và công tác quản lý chi ngân sách đối với lĩnh vực này nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

Từ khóa: *Quản lý chi ngân sách, đào tạo*

1. Vai trò của chi ngân sách đối với hoạt động đào tạo

Chi NS cho công tác đào tạo là quá trình phân phối, sử dụng một phần vốn tiền tệ từ quỹ NS để duy trì, phát triển hoạt động đào tạo theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp. Vai trò của chi NS không chỉ đơn thuần là cung cấp nguồn lực tài chính để duy trì, củng cố các hoạt động đào tạo, mà còn có tác dụng định hướng, điều chỉnh các hoạt động đào tạo phát triển theo đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Hiện nay, Đảng và Nhà nước có chủ trương xã hội hóa hoạt động đào tạo, theo đó, Nhà nước thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho hoạt động này, kể cả nguồn vốn trong nước và quốc tế, nhưng nguồn vốn đầu tư từ NS vẫn có vai trò trọng yếu, thể hiện trên các nội dung chính sau:

Thứ nhất, nguồn từ NS luôn là nguồn tài chính chủ yếu để duy trì, định hướng sự phát triển của hoạt động đào tạo theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Mặc

dù những năm qua, Đảng và Nhà nước đã đưa ra nhiều chủ trương chính sách để huy động các nguồn lực ngoài NS đầu tư cho hoạt động đào tạo như chính sách đóng học phí, lệ phí tuyển sinh, đóng góp xây dựng trường sở, đóng góp phí đào tạo từ các cơ sở sử dụng lao động, các chính sách ưu đãi về thuế, huy động các nguồn tài trợ khác cho hoạt động đào tạo... Tuy nhiên, do việc xã hội hóa trong lĩnh vực đào tạo thực hiện chậm, các thành phần kinh tế phi Nhà nước phát triển chưa mạnh nên sự đóng góp cho hoạt động đào tạo còn bị hạn chế. Chính vì vậy, nguồn vốn đầu tư từ NS cho đến nay vẫn luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn đầu tư cho hoạt động đào tạo.

Thứ hai, nguồn NS là nguồn vốn duy nhất bảo đảm kinh phí để thực hiện các chương trình- mục tiêu quốc gia về hoạt động đào tạo, như Dự án đổi mới chương trình đào tạo, Giáo trình, Dự án đào tạo, bồi dưỡng Giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục, Dự án tăng cường cơ sở vật chất các nhà trường, củng cố, tăng cường và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trong các cơ sở đào tạo... Đây



là những chương trình, mục tiêu lớn cần phải triển khai và đòi hỏi cấp kinh phí lớn. Vì vậy, Nhà nước phải tập trung NS đầu tư triển khai thực hiện các chương trình này.

Thứ ba, trong điều kiện đa dạng hóa các hoạt động đào tạo như hiện nay thì vai trò định hướng của Nhà nước thông qua chi NS để điều phối qui mô, cơ cấu giữa các cấp, ngành, vùng đào tạo là hết sức quan trọng, giúp hoạt động đào tạo phát triển cân đối, theo đúng định hướng của Nhà nước.

Thứ tư, đầu tư NS có tác dụng hướng dẫn, kích thích thu hút các nguồn vốn khác đầu tư cho đào tạo. Thông qua việc Nhà nước đầu tư hình thành nên các trung tâm giáo dục sẽ thu hút sự đầu tư của các tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ cho trung tâm đào tạo đó. Hơn nữa, trong điều kiện nguồn vốn đầu tư của từng cá nhân chưa đáp ứng yêu cầu của các dự án đào tạo thì nguồn vốn đầu tư từ NS là vốn đối ứng quan trọng nhằm thu hút các nguồn lực khác cùng đầu tư cho đào tạo.

2. Quản lý chi ngân sách trong hoạt động đào tạo

Quản lý chi NS trong hoạt động đào tạo là các hoạt động phân phối NS, kiểm tra giám sát việc phân phối và sử dụng NS cho đào tạo theo đúng qui định của pháp luật.

Quản lý chi NS trong hoạt động đào tạo có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng các khoản chi NS. Thông qua hoạt động quản lý, các khoản cấp phát của chi NS sẽ được kiểm soát chặt chẽ, từ đó giúp tránh thất thoát, chi đúng đối tượng, giúp nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học trong nhà trường, hiệu quả của chi NS đối với hoạt động đào tạo vì thế cũng được nâng cao.

Quá trình đổi mới và hội nhập giúp kinh tế tăng trưởng nhưng phân hoá giàu nghèo ngày càng gia tăng. Quản lý chi ngân sách góp phần thực hiện công bằng xã hội, giúp phân loại các đối tượng người học thuộc diện chính sách cần được hỗ trợ, từ đó đưa ra các hình thức hỗ trợ phù hợp, giúp người học đáp ứng đầy đủ những điều kiện về tài chính để được thụ hưởng các hình thức đào tạo. Đây là một chính sách quan trọng để nâng cao trình độ, tạo công ăn việc làm, cơ hội nghề nghiệp cho những người nghèo trong xã hội.

Nguyên tắc quản lý chi NS trong hoạt động đào tạo

Thứ nhất, phải bảo đảm kỷ luật tài chính tổng thể: Nguyên tắc này đòi hỏi chi NS phải được tính toán trong khả năng nguồn lực huy động được từ nền kinh tế và các nguồn lực khác. Khả năng này không chỉ tính trong 1 năm, mà phải được tính trong trung hạn (3- 5 năm), kết hợp với dự báo nguy cơ rủi ro... Như vậy mới bảo đảm tính ổn định và bền vững của ngân sách trong trung hạn đối với hoạt động đào tạo.

Thứ hai, phải gắn với chính sách kinh tế, với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực: Chi NS phải dựa trên nguồn thu có được, nhưng nguồn thu lại được hình thành chủ yếu từ hoạt động kinh tế, gắn với chính sách kinh tế, các mục tiêu kinh tế vĩ mô. Quản lý chi NS cho hoạt động đào tạo phải gắn với chính sách phát triển kinh tế cũng như mục tiêu phát triển nguồn nhân lực trong từng thời kỳ để bố trí cơ cấu NS cho phù hợp và đạt hiệu quả cao.

Thứ ba, phải bảo đảm tính minh bạch, công khai trong cả qui trình, từ khâu lập, tổ chức thực hiện, quyết toán, báo cáo và kiểm toán: Chi NS thực chất là chi chủ yếu từ nguồn thuế, phí do người dân và các doanh nghiệp, tổ chức trong xã hội đóng góp, nên phải bảo đảm sự minh bạch, công khai để tất cả các tổ chức, cá nhân giám sát. Thực thi nguyên tắc này vừa giúp nâng cao trách nhiệm của các nhà trường có liên quan đến thụ hưởng NS, vừa đảm bảo sử dụng NS có hiệu quả, vừa giúp cho việc phát hiện, điều chỉnh để thông tin về NS sát đúng thực tiễn hơn.

Thứ tư, phải cân đối hài hòa giữa các loại hình, hình thức, vùng miền trong hoạt động đào tạo: Đầu tư NS cho đào tạo phải bảo đảm thực hiện tốt chủ trương của Nhà nước, thúc đẩy phát triển cân đối, toàn diện trong hoạt động đào tạo, tạo ra mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau giữa các loại hình, hình thức, vùng miền trong đào tạo.

Vốn đầu tư từ NS cho đào tạo cần tập trung giải quyết các ưu tiên chiến lược trong đào tạo, tập trung giải quyết những nhu cầu cấp bách, tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế xã hội hoặc giải quyết những vấn đề bức xúc về đời sống xã hội (chẳng hạn nhu cầu đào tạo chuyên môn nghề nghiệp cho xuất khẩu lao động khu vực nông thôn, cho bộ đội xuất ngũ,



cho đồng bào dân tộc thiểu số...).

Những nguyên tắc này tạo cho chi NS trở thành công cụ hữu hiệu để Nhà nước điều hành có hiệu quả, gắn NS với chính sách kinh tế, chính sách phát triển nguồn nhân lực và thực hiện các chính sách xã hội khác và đảm bảo cho ngân sách được cân đối vững chắc, chủ động khi có biến động về nguồn thu. Các chủ thể có liên quan đến quản lý chi NS trong hoạt động đào tạo

Theo quy định tại điều 52 Nghị định số 60/2003/NĐ-CP, trách nhiệm của các cơ quan và cá nhân trong việc quản lý chi NS như sau:

- Cơ quan tài chính: Thẩm tra việc phân bổ dự toán NS cho các trường; Bố trí nguồn để đáp ứng các nhu cầu chi, trường hợp các đơn vị sử dụng NS chi vượt quá khả năng thu và huy động của quỹ NS (chủ yếu cho chi đầu tư xây dựng cơ bản) thì cơ quan tài chính phải chủ động thực hiện các biện pháp vay tạm thời theo quy định để bảo đảm nguồn; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi tiêu và sử dụng NS ở các đơn vị sử dụng NS...

- Kho bạc Nhà nước: Thực hiện việc thanh toán, chi trả các khoản chi NS căn cứ vào dự toán được giao, quyết định chi của thủ trưởng đơn vị sử dụng NS và tính hợp pháp của các tài liệu cần thiết khác theo quy định của Chính phủ; có quyền từ chối các khoản chi NS không đủ điều kiện chi theo quy định hoặc tạm dừng thanh toán theo yêu cầu của cơ quan tài chính; Thủ trưởng cơ quan Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm về các quyết định thanh toán, chi

NS hoặc từ chối thanh toán chi NS...

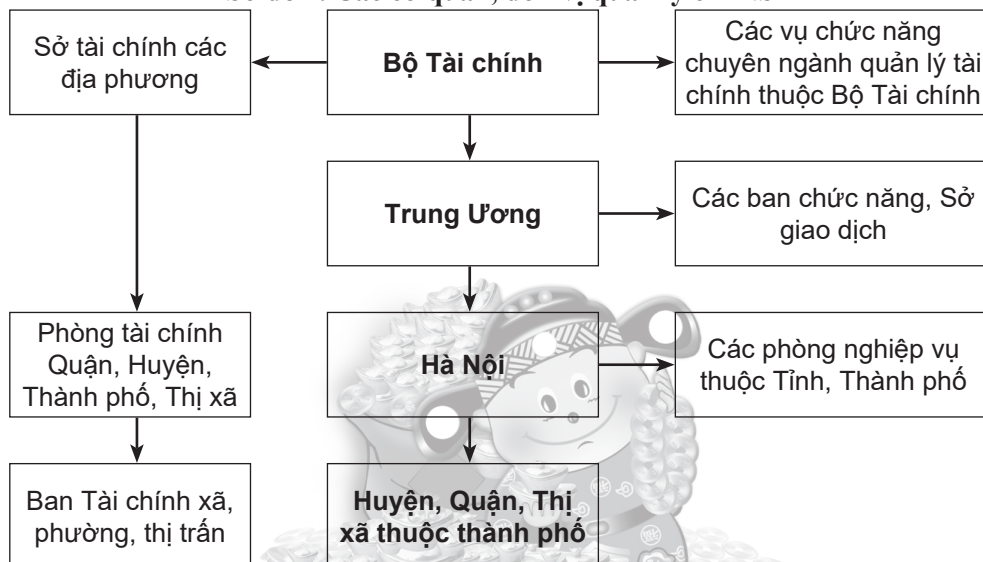
- Đơn vị sử dụng NS: Quyết định chi đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; Quản lý, sử dụng NS và tài sản Nhà nước theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả. Trường hợp vi phạm, tùy theo tính chất và mức độ, sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại các trường có nhiệm vụ thực hiện đúng chế độ quản lý tài chính- NS, chế độ kế toán nhà nước, chế độ kiểm tra nội bộ và có trách nhiệm ngăn ngừa, phát hiện và kiến nghị thủ trưởng đơn vị, cơ quan tài chính cùng cấp xử lý đối với những trường hợp vi phạm.

Nội dung quản lý chi ngân sách trong hoạt động đào tạo

- *Quản lý dự toán NS*: Lập dự toán chi NS là việc dự trù các khoản chi NS bằng tiền cho đào tạo trong khoảng thời gian nhất định. Dự toán NS là khâu đầu tiên trong một chu trình NS, có ý nghĩa quyết định đối với các khâu còn lại. Dự toán NS nếu được thực hiện tốt sẽ giúp xác định tương đối chính xác số tiền cần phải bỏ ra từ NS trong một khoảng thời gian nhất định để thực hiện những công việc đào tạo và nghiên cứu khoa học đã được hoạch định sẵn. Lập dự toán là khâu không thể thiếu trong hoạt động NS, nhất là trong điều kiện kinh tế vĩ mô nhiều biến động như hiện nay, thì công cụ dự toán lại càng có ý nghĩa quan trọng, bởi nó cho phép dự báo nguồn

lực cần có để đáp ứng nhu cầu chi NS cho đào tạo, qua đó giúp Chính phủ có thể chủ động trong nhiều tình huống. Việc lập dự toán chi NS cho đào tạo phải bám sát các định mức chi NS. Trong quản lý chi NS cho đào tạo nhất thiết phải có định mức chi cho từng nhóm mục chi hay cho mỗi đối tượng cụ

Sơ đồ 1. Các cơ quan, đơn vị quản lý chi NS





thể, nhờ đó mà nhà trường mới có căn cứ pháp lý để lập dự toán chi NS. Định mức chi cũng là căn cứ để cấp phát và quyết toán các khoản chi NS, đồng thời cũng là chuẩn mực để phân bổ NS, kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí NS cho đào tạo, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong phân bổ NS. Định mức chi NS cho đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: (i) Các định mức chi NS phải được xây dựng một cách khoa học, từ việc phân loại đối tượng đến trình tự, cách thức xây dựng định mức phải được tiến hành một cách chặt chẽ, có cơ sở khoa học. Nhờ đó, các định mức chi NS cho đào tạo sẽ bảo đảm được tính phù hợp với từng loại hình đào tạo trong từng đơn vị. (ii) Các định mức phải có tính thực tiễn, nghĩa là chúng phải phản ánh mức độ phù hợp của các định mức với nhu cầu kinh phí cho các hoạt động đào tạo. Chỉ có như vậy thì định mức chi NS mới trở thành chuẩn mực cho cả quá trình quản lý chi NS cho hoạt động đào tạo. (iii) Định

- *Quản lý việc chấp hành dự toán chi NS*: Căn cứ vào dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, các cơ quan được bố trí kinh phí để thực hiện các khoản chi theo dự toán. Quá trình chuyển từ những nội dung ghi trên bảng dự toán thành hiện thực gọi là chấp hành dự toán. Tương tự, khi dự toán được điều chỉnh, quá trình thực hiện cũng được điều chỉnh cho khớp đúng với dự toán mới. Đây là khâu quan trọng trong quản lý NS, sử dụng tổng hòa các biện pháp về kinh tế, tài chính và hành chính nhằm thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của quốc gia trong một thời kỳ đã được bố trí vào dự toán chi NS.

- *Quản lý quyết toán chi NS*: Kết thúc 1 năm, các cơ quan NS, các đơn vị sử dụng NS phải tập hợp số kinh phí được cấp đã sử dụng để lập báo cáo theo mẫu biểu gửi cơ quan cấp trên tổng hợp và gửi cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hệ thống định mức tiêu chuẩn chi NS có ảnh hưởng quyết định đến toàn bộ quá trình lập, duyệt, phân bổ, chấp hành và kiểm tra, quyết toán NS cho đào tạo. Nếu có đầy đủ các loại định mức, tiêu chuẩn chi tiêu cũng như việc xác định số biên chế, giảng viên cần thiết được tính toán một cách khoa học phù hợp với qui mô đào tạo của từng trường thì nhu cầu chi NS sẽ được phản ánh chính xác, trung thực trong dự toán NS. Đồng thời, đó cũng là những căn cứ để các cơ quan chức năng duyệt và kiểm tra, giám sát quá trình chấp hành NS.

mức chi NS cho đào tạo phải bảo đảm sự thống nhất đối với từng khoản chi cho từng đối tượng thụ hưởng NS cùng loại. (iv) Định mức chi NS cho đào tạo phải bảo đảm tính pháp lý.

Định mức chi NS cho đào tạo có 2 loại: *Định mức chi tổng hợp* dùng để xác định nhu cầu chi NS cho mỗi trường thụ hưởng NS, do vậy, với mỗi trường khác nhau sẽ có đối tượng để tính định mức chi tổng hợp khác nhau. Hình thức này chủ yếu áp dụng trong khâu phân bổ NS cho các trường, có thể được xác định theo đầu sinh viên và theo từng thời kỳ có thay đổi cho phù hợp. *Định mức chi tiết* xác định dựa trên cơ cấu chi NS cho mỗi trường được hình thành từ mục chi nào, người ta sẽ tiến hành xây dựng định mức chi cho từng mục đó, chẳng hạn: Chi công tác phí, chi tiếp khách, chi học bổng, chi lương...

3. Phương thức quản lý chi Ngân sách cho hoạt động đào tạo

Phương thức quản lý chi NS được hiểu là tổng hợp tất cả các cách thức, biện pháp được áp dụng để quản lý chi NS theo một qui trình thống nhất nhằm đạt các mục tiêu chi NS đã định. Phương thức quản lý chi NS là một qui trình thống nhất, bao gồm từ khâu lập dự toán đến thẩm định dự toán, công bố dự toán, chấp hành dự toán, kiểm tra, giám sát đánh giá hiệu quả và điều chỉnh NS.

Chi NS là quá trình phức tạp, bao gồm 2 giai đoạn kế tiếp nhau: Phân bổ và sử dụng quỹ NS. Chính phủ các nước đều có mong muốn là các khoản chi NS đảm bảo tính hiệu quả, tiết kiệm. Từ đó, người ta đã áp dụng nhiều yếu tố, các cơ chế, chính sách, biện pháp khác nhau để quản lý chi NS. Tập hợp tất



cả các yếu tố này được gọi chung là phương thức quản lý chi NS. Như vậy, phương thức quản lý chi NS bao gồm trong nó hai nội hàm: Mục tiêu chi NS và qui trình thực hiện các biện pháp để đạt được mục tiêu đã định.

Mục tiêu chi NS: Cần được xác định rõ ràng, bao gồm mục tiêu tổng quát và cụ thể, mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu chiến lược. Mục tiêu chi NS là nhân tố quan trọng cấu thành và tác động đến phương thức quản lý chi NS.

Qui trình thực hiện các biện pháp để đạt mục tiêu: Sau khi đã xác định được mục tiêu chi NS, cấp quản lý NS sẽ tìm kiếm các biện pháp để xây dựng thành qui trình thống nhất, chặt chẽ, bảo đảm được mục tiêu chi NS đã định. Đây là những khâu tác nghiệp cụ thể trong qui trình quản lý chi NS.

Xét theo tính chất hình thành các khoản chi, có 3 phương thức quản lý chi NS sau đây:

Phương thức quản lý chi NS theo yếu tố đầu vào (còn gọi là phương thức quản lý chi NS truyền thống): Theo phương thức này, việc lập dự toán chi NS theo dòng mục gồm các yếu tố đầu vào, tổ chức thực hiện và giám sát mức độ chi phí theo dự toán và quyết toán theo dòng mục tương ứng với dự toán duyệt. Hiện nay đang có xu thế thay thế phương thức quản lý này bằng một số phương thức quản lý mới tiên tiến hơn, sớ dĩ như vậy là bởi phương thức quản lý truyền thống này không cho biết NS có được gắn với kế hoạch kinh tế vĩ mô hay không, cũng như nó tách biệt về không gian và thời gian với các mục tiêu chương trình phát triển kinh tế xã hội và không phản ánh được quá trình chi NS như vậy sẽ đạt được kết quả và hiệu quả gì.

Phương thức quản lý chi NS theo kết quả đầu ra: Hiện nay xu hướng chung ở nhiều nước, việc kiểm soát chi phí và yếu tố đầu vào được thay thế bằng các biện pháp kiểm soát đa năng hơn, trong đó, hướng tới việc quản lý theo kết quả đầu ra đang được quan tâm.

“Đầu vào” có thể hiểu là những nguồn lực được cơ quan đơn vị sử dụng để thực hiện các hoạt động. Các yếu tố đầu vào bao gồm lao động, tài sản, tài chính. Những thông tin về trạng thái đầu vào sẽ cho biết bản chất trạng thái và giá trị của những nguồn lực được sử dụng trong quá trình hình thành kết quả đầu ra. Tuy nhiên, yếu tố đầu vào không cho biết

nhiều về bản chất của kết quả đầu ra.

“Kết quả đầu ra” là những loại hàng hóa dịch vụ do các cơ quan, đơn vị sản xuất ra cho những người tiêu dùng ở bên ngoài cơ quan, đơn vị đó. Kết quả đầu ra có thể là hữu hình hoặc vô hình. Một đầu ra là kết quả hoàn thành một chu kỳ sản xuất, rất quan trọng trong đánh giá trách nhiệm của đơn vị hoạt động. Giữa *đầu ra* và *kết quả* có mối quan hệ nội tại chặt chẽ với nhau. Đầu ra tạo thành kết quả, kết quả phản ánh đầu ra, quá trình hoạt động tạo ra một đầu ra hoặc nhóm đầu ra và các nhân tố khác, chúng tác động đến cộng đồng, đó chính là kết quả. Đầu ra và kết quả tạo ra mối liên hệ mật thiết giữa quá trình thực hiện kế hoạch công việc và quá trình sử dụng NS nội bộ của đơn vị thông qua những quyết định quản lý, tìm kiếm các giải pháp để làm thế nào để với một nguồn lực có hạn thì đơn vị có thể thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả nhất.

Từ kinh nghiệm các nước cho thấy, quản lý chi NS theo kết quả đầu ra giúp nâng cao hiệu quả và từ đó giúp tăng cường tính trách nhiệm. Tuy vậy, quản lý theo kết quả đầu ra cũng có nhược điểm là nhu cầu về lượng thông tin rất lớn, vấn đề đo lường, đánh giá sẽ rất khó khăn và nhiều khi sẽ rất tốn kém. Do tính chất phức tạp như vậy, nên có một số ý kiến cho rằng phương pháp này chỉ mang lại hiệu quả khi có được sự tin tưởng cao ở lượng thông tin cung cấp và những vấn đề cơ bản của việc xác định chi phí có thể tiến hành được.

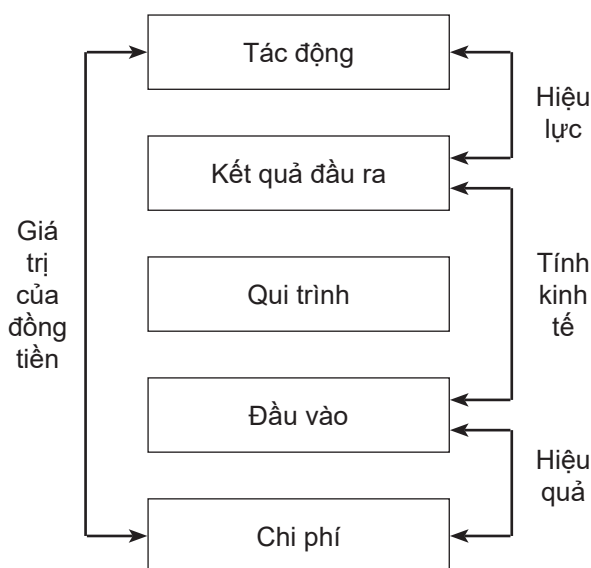
Chi NS theo kết quả đầu ra tức là phân bổ NS gắn với kết quả đầu ra, đưa các thông tin về kết quả đầu ra trong các tài liệu NS, so sánh đánh giá mối quan hệ giữa chi phí NS bỏ ra với mức độ đạt được kết quả đầu ra khác nhau để lựa chọn phương án phân bổ nguồn lực NS đạt hiệu quả cao nhất.

Trong thực tế, khi phân bổ và đánh giá hiệu quả phân bổ NS, người ta thường kết hợp các phương thức quản lý với nhau, có tác dụng hỗ trợ, quan hệ với nhau. Tuy vậy, tập trung vào kết quả đầu ra đang là xu hướng quản lý được nhiều nước sử dụng.

Sơ đồ 2 phản ánh mối liên hệ giữa đầu ra với mức nguồn lực đầu vào cần thiết để sản xuất ra chúng, được thể hiện ra các chỉ số, tỷ số, đơn vị hoặc một số chỉ tiêu so sánh khác. Khi thực hiện quản lý chi NS theo kết quả đầu ra cần tuân thủ một số nguyên tắc: *Thứ nhất, tập trung vào các nhu cầu cần thiết*



Sơ đồ 2. Mối liên hệ giữa chi phí và kết quả đầu ra



phải cung ứng cho bên ngoài; Thứ hai, nhóm các công việc giống nhau về cùng một đầu ra; Thứ ba, kết quả đầu ra phải được xác định cụ thể; Thứ tư, bảo đảm tính toàn diện của các kết quả đầu; Thứ năm, có thể đo lường được kết quả đầu ra. Ở đây không có một chuẩn mực tuyệt đối nào cho các tiêu

chuẩn quản lý, cho kết quả đầu ra. Mỗi nước khác nhau thì các phương pháp tiếp cận và văn hóa quản lý khác nhau sẽ dẫn đến xác định, quản lý kết quả đầu ra khác nhau. Điều này phụ thuộc vào quan điểm của người quản lý: Nếu xác định mục tiêu khác nhau dẫn đến việc hình thành các mục tiêu của kết quả đầu ra, đo lường kết quả đầu ra, của công tác báo cáo, kiểm toán cũng sẽ khác nhau giữa các nước.

Ngoài ra, như bất cứ một lĩnh vực quản lý nào, quản lý chi NS trong hoạt động đào tạo cũng chịu ảnh hưởng nhất định của những nhân tố chủ quan và khách quan. Một số nhân tố chủ quan ảnh hưởng quan trọng đến quản lý chi NS trong hoạt động đào tạo như cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của các trường, trình độ, năng lực của cán bộ quản lý tài chính và việc ứng dụng tin học trong công tác quản lý tài chính trong các trường... Còn đối với những nhân tố khách quan, hành lang pháp lý quản lý chi NS, sự ổn định của kinh tế vĩ mô, các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với hoạt động đào tạo là những nhân tố tác động lớn đến công tác quản lý chi NS trong nhà trường. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2006), Hệ thống mục lục ngân sách Nhà nước, NXB Tài chính.
2. Bộ Tài chính (2003), Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản thực hiện, Hà Nội.
3. ThS. Bùi Thị Bích Nê, Quản lý chi ngân sách nhà nước- kinh nghiệm từ một số nước và vấn đề đặt ra đối với Việt Nam.
4. Trần Trọng Hưng (2015), Huy động nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học công lập ở Việt Nam, Luận án TS Kinh tế, Học viện Tài chính.
5. Nghị định 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước.
6. Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Bùi Thị Bích Nê, Thạc sỹ

Đơn vị công tác: Bộ Quốc phòng

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tài chính- ngân hàng

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí tài chính (Bộ Quốc phòng), Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng

Email: sonthanhvan@gmail.com

tiếp theo trang 64

có chính sách phát triển trái phiếu doanh nghiệp dài hạn để tài trợ cho các khoản đầu tư dài hạn trong nền kinh tế.

Thứ tư, cần ban hành thêm một số chính sách mới nhằm giảm thiểu sự biến động quá mạnh của TTCK ảnh hưởng đến nền kinh tế vĩ mô nói chung. Cụ thể, Ủy ban Chứng khoán nhà nước cần có thêm các chính sách về kiểm soát tỷ lệ đòn bẩy tài chính

(vay margin) cho vay mua chứng khoán tại các công ty chứng khoán trên TTCK một cách hợp lý, các chính sách phối hợp với NHNN trong kiểm soát dòng tiền chảy vào kênh chứng khoán nhằm hạn chế tình trạng bong bóng trên TTCK với mục tiêu hướng tăng trưởng của TTCK phải phù hợp với tăng trưởng kinh tế, đưa TTCK trở thành một kênh huy động vốn thực sự cho các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán. ■